

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **102/2025/HC-PT**

Ngày: 23/01/2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: ông Phạm Văn Hợp

ông Lê Văn Thường

- Thư ký Tòa án: ông Nguyễn Duy Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 435/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 11 năm 2024, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2024/HC-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 223/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2025; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Huỳnh H, sinh năm: 1965 và bà Trần Thị Thiệu Q, sinh năm: 1970.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh H: Bà Trần Thị Thiệu Q, sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phan Văn N và luật sư Nguyễn Thành T – Công ty L2, Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Lầu A, số A N, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Luật sư N (có mặt), luật sư T (xin vắng).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chủ tịch **UBND thị xã Đ**, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Văn L** - Chủ tịch **UBND thị xã Đ**, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **UBND xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Trọng S** - Phó Chủ tịch **UBND xã P**. Vắng.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Xuân K** - Phó Giám đốc **Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Q**. Vắng.

3. **Ban Q1** xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Quốc T1** - Cán bộ kỹ thuật Phòng Quản lý dự án 1. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh **Huỳnh D**, sinh năm: 1990; địa chỉ: **Thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. Có mặt.

5. Anh **Huỳnh T2**, sinh năm: 1991;

Người đại diện theo ủy quyền của anh **Huỳnh T2**: Bà **Trần Thị Thiệu Q**, sinh năm: 1970. Có mặt.

6. Chị **Huỳnh Thị Trà M**, sinh năm: 2001;

Người đại diện theo ủy quyền của chị **Huỳnh Thị Trà M**: Bà **Trần Thị Thiệu Q**. Có mặt.

7. Chị **Huỳnh Thị Kim H1**, sinh năm: 1995;

Người đại diện theo ủy quyền của chị **Huỳnh Thị Kim H1**: Bà **Trần Thị Thiệu Q**. Có mặt.

Cùng địa chỉ: **Thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng, người người khởi kiện là ông **Huỳnh H** và bà **Trần Thị Thiệu Q** trình bày:

Vợ chồng ông, bà là chủ sử dụng quyền sử dụng đất của các thửa đất số 66, tờ bản đồ số 06, diện tích 4.657m²; thửa đất số 275, tờ bản đồ số 22, diện tích 673m²; thửa đất số 472, tờ bản đồ số 02, diện tích 630m² và thửa đất số 2094, tờ bản đồ số 22, diện tích 5.710m². Các thửa đất trên cùng tọa lạc tại **xã P, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi**.

Nguồn gốc các thửa đất trên là do ông bà tự khai hoang năm 1990. Từ khi khai hoang đến nay, ông bà sử dụng để canh tác, trồng cây lâu năm cụ thể là cây keo vì loại đất này phù hợp cho việc trồng cây lâu năm. Việc này đã được sự xác nhận của Trưởng thôn **Phước L1** thông qua đơn xin xác nhận ngày 04/10/2023. Việc ông bà khai hoang các thửa đất trên là đúng quy định pháp luật, không có

quyết định cấm hay quy định nào về việc cấm khai hoang đối với các thửa đất trên vào thời kỳ đó. Ông bà sử dụng các thửa đất trên để canh tác ổn định, liên tục và không tranh chấp với bất kỳ ai, cũng không bị xử phạt hay có quyết định hành chính nào về việc khai hoang và sử dụng các thửa đất nêu trên.

Sau một thời gian sử dụng, ngày 12/11/2009, UBND huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối số AN 041870 đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 06, diện tích 4.657m² cho hộ gia đình ông, bà. Việc sử dụng các thửa đất trên để canh tác ông bà đã sử dụng liên tục đến nay đã được 34 năm và đây cũng chính là nguồn thu nhập chính và duy nhất của hộ gia đình từ trước tới nay.

Từ cuối năm 2022, gia đình ông bà nhận được rất nhiều các Quyết định về việc thu hồi các thửa đất số 66, 275, 472, 2094; các Quyết định về bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình khi tiến hành thu hồi các thửa đất trên để thực hiện dự án đường C - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025; đoạn qua Quảng Ngãi - H. Nhưng sau đó UBND thị xã Đ cứ ban hành quyết định thì lại thu hồi ngay sau đó.

Gần đây nhất, ông bà nhận được các quyết định sau:

Ngày 31/8/2023, ông bà nhận được quyết định số 4629/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q để thực hiện xây dựng dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn Quảng Ngãi - H.

Ngày 19/9/2023, UBND thị xã Đ ban hành quyết định số 1837/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q.

Ngày 15/11/2023, UBND thị xã Đ ban hành quyết định số 6723/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất (thửa đất số 66, 275, 472 và 2094) đối với hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q.

Sau khi xem xét các Quyết định trên và đối chiếu với quy định của pháp luật, ông bà cho rằng việc UBND thị xã Đ ban hành các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông bà là không đúng quy định, bởi các lý do sau:

Thứ nhất, nội dung quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1837/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 và bản kê khai chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ không hợp lý, không đúng quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, cụ thể:

+ Không tiến hành hỗ trợ ổn định đời sống cho gia đình ông bà: Việc này là trái với quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP như sau: “1. Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, gồm các trường hợp sau: c) Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a Khoản này đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được UBND cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó”.

+ Không tiến hành hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình ông bà khi thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: Việc này là trái với quy định tại Khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai 2013: “Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất: 1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất nông nghiệp để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm. Trường hợp người được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm trong độ tuổi lao động có nhu cầu được đào tạo nghề thì được nhận vào các cơ sở đào tạo nghề; được tư vấn hỗ trợ tìm kiếm việc làm, vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh”.

Như vậy, cá nhân, hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề. Hộ gia đình ông bà đã trực tiếp canh tác, sản xuất đến nay đã được 34 năm, nay khi tiến hành thu hồi diện tích đất khiến gia đình ông bà bị mất công ăn việc làm và nguồn thu nhập mà không tiến hành hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông bà là không phù hợp và trái quy định. Vợ chồng ông bà không biết phải làm gì để mưu sinh và kiếm sống sau khi bị thu hồi gần như toàn bộ diện tích đất.

+ Giá đất áp dụng bồi thường quá thấp, không phù hợp tại thời điểm quyết định thu hồi đất: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013, điểm d Khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai 2013 giá bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất được quy định như sau: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ trong trường hợp; tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất”.

Theo quy định nêu trên, Nhà nước sẽ căn cứ theo giá đất cụ thể để bồi thường khi tiến hành thu hồi đất.

Theo đó, tại quyết định số 4837/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông bà thì **UBND thị xã Đ** ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất không thấy có căn cứ về giá đất cụ thể của **UBND tỉnh Q** tại thời điểm thu hồi đất của hộ gia đình ông bà, không có các căn cứ quy định về giá đất, bảng giá do **UBND tỉnh Q** ban hành. Việc tính giá đất bồi thường cho gia đình ông bà là không hợp lý, giá đất bồi thường quá thấp làm ảnh hưởng rất lớn tới quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông bà.

+ Khi tiến hành thu hồi đất nhưng không giao đất có cùng mục đích sử dụng đất với loại đất thu hồi cho gia đình ông bà. Theo quy định tại Điều 74 Luật Đất đai 2013 khi Nhà nước thu hồi đất việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng đất với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi

thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND tỉnh quyết định tại thời điểm thu hồi đất.

+ Toàn bộ các tài sản gắn liền với đất (2.860 cây keo và 8,7m³ cây keo trồng trên đất) tại các thửa đất số 275, 472 và 2094 không được bồi thường tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Việc này là không đúng quy định pháp luật và xâm phạm nghiêm trọng tới quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông bà. Việc Nhà nước thu hồi đất khiến cho gia đình ông bà bị mất toàn bộ 2.860 cây keo và 8,7m³ trồng cây dẫn đến mất công ăn việc làm, mất toàn bộ tài sản cây trồng trên đất, đây là thiệt hại quá lớn cho gia đình ông bà do quyết định thu hồi đất gây ra. Theo quy định tại Điều 90 Luật Đất đai 2013 khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với cây trồng thì phải tiến hành bồi thường.

Thứ hai, trình tự thủ tục thu hồi đất không đảm bảo đúng quy định của Luật đất đai hiện hành.

Thứ ba, quyết định cưỡng chế thu hồi đất không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 6723/QĐ-UBND đối với hộ gia đình ông bà được ban hành ngày 15/11/2023. Tại Điều 1 của Quyết định có nội dung thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất từ ngày 15/11/2023 và Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký là không đúng quy định. Quyết định số 6723/QĐ-UBND ban hành ngày 15/11/2023 chưa được niêm yết công khai theo quy định, hộ gia đình ông bà cũng chưa nhận được quyết định về việc cưỡng chế vậy mà đã tiến hành cưỡng chế là không đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai 2013.

Thứ tư, việc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi ban hành văn bản số 2663/TTPTQĐ-BT&GPMB ngày 17/10/2023 có nội dung: Không chấp nhận yêu cầu bồi thường toàn bộ cây keo trồng trên các thửa đất số 275, 472 và 2094, vì cho rằng ông bà chuyển mục đích sai sử dụng, tài sản trên đất được tạo lập trái quy định pháp luật. Quyết định như vậy là không đúng, không phù hợp bởi vì:

+ Các thửa đất số 66, 275, 472 và 2094 là các thửa đất liền kề nhau, cùng chung mục đích sử dụng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 66 thì đây là đất rừng sản xuất, thuộc loại đất trồng cây lâu năm. Ông bà và các hộ dân ở đây sử dụng đất để trồng cây keo trên các thửa đất trên đến nay đã gần 34 năm, đây là loại đất trồng cây lâu năm nên cho rằng ông bà sử dụng, chuyển đổi sai mục đích sử dụng đất là không phù hợp, không có cơ sở và không đúng quy định.

+ Phía cơ quan cho rằng tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định pháp luật là không đúng và không có cơ sở. Từ khi khai hoang vào năm 1990 đến nay, ông bà sử dụng đất để trồng cây, mang lại nguồn sống, nguồn thu nhập cho gia đình, phát triển kinh tế địa phương, đóng thuế cho nhà nước. Từ trước tới nay ông bà cũng không bị xử phạt hành chính gì. Vậy cơ sở đâu mà cho rằng tài sản trên đất của hộ gia đình ông bà được tạo lập trái quy định pháp luật.

Những quyết định trên của UBND thị xã Đ đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông bà. Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông bà bị xâm phạm nghiêm trọng. Vậy nay ông bà, đề nghị Toà án giải quyết, tuyên hủy:

-Quyết định số 4629/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND thị xã Đ về việc thu hồi đất của hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q để thực hiện Dự án đường C - Nam phía Đ, giai đoạn năm 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - H.

-Quyết định số 4837/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND thị xã Đ về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q để thực hiện tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn năm 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - H (phương án đợt 9).

-Quyết định số 6723/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND thị xã Đ về việc cưỡng chế thu hồi đất (thửa đất số 66, 275, 472 và 2094) đối với hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q để thực hiện tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn năm 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - H.

- Buộc UBND thị xã Đ phải thực hiện nhiệm vụ công vụ thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với các thửa đất số 66, 275, 472 và thửa 2094, cùng tờ bản đồ số 3 (bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2002) cho ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiệu Q theo đúng quy định pháp luật.

* Tại Văn bản số 2001/UBND ngày 16/7/2024, người bị kiện là UBND, Chủ tịch UBND thị xã Đ trình bày:

Qua xem xét hồ sơ bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc B phía Đông giai đoạn 2021-2025. Đoạn qua địa bàn xã P, thị xã Đ do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi lập và lưu trữ, UBND thị xã Đ nhận thấy việc thu hồi, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 66, 275, 472, 2094, tờ bản đồ số 03, cho hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q là đảm bảo đúng quy định.

* Tại Văn bản số 1321/TTPTQĐ-BT&GPMB ngày 07/6/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Về hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q:

Thửa đất thứ nhất: Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 03, diện tích thửa đất 4.688,0m²; diện tích thu hồi thực hiện dự án: 1.938,2m², loại đất RSM. Nguồn gốc đất do UBND xã xác nhận: Nguyên thửa đất này là do hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q tự khai hoang khoảng năm 1992 đến năm 2009 được UBND huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ) cấp Giấy CNQSD đất, hiện nay không có ai tranh chấp, phù hợp quy hoạch sử dụng đất.

Tài sản trên đất: Keo có đường kính gốc $\geq 12\text{cm}$ đến $\leq 16\text{cm}$ (số lượng 500 cây); Keo có đường kính gốc $> 16\text{cm}$ đến $\leq 20\text{cm}$ (số lượng 470 cây); Keo có đường kính gốc 30cm, cao 10m (số lượng 2 cây, 1,4m³)

Thửa đất thứ hai: Thửa đất số 275, tờ bản đồ số 3, diện tích thửa đất 673,0m²; diện tích thu hồi thực hiện dự án: 554,7m²; diện tích thu hồi ngoài quy hoạch: 118,3m²; loại đất BHK. Nguồn gốc đất do UBND xã xác nhận: Nguyên thửa đất trên là đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q vào năm 1998. Hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 2006 thì được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp Giấy CNQSD đất, hiện nay không có ai tranh chấp, phù hợp quy hoạch sử dụng đất.

Tài sản trên đất: Keo có đường kính gốc $\geq 12\text{cm}$ đến $\leq 16\text{cm}$ (số lượng 340 cây).

Thửa đất thứ ba: Thửa đất số 472, tờ bản đồ số 03, diện tích thửa đất 630m²; diện tích thu hồi thực hiện dự án: 630m², loại đất BHK. Nguồn gốc đất do UBND xã xác nhận: Nguyên thửa đất này được giao theo định suất Nghị định 64/CP năm 1998 cho hộ ông Huỳnh H sử dụng ổn định từ đó đến năm 2010 hộ ông Hữu T3 chuyển sang trồng cây lâu năm cho đến nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, không ai tranh chấp. Hiện tại thửa đất này không có trong bộ theo dõi đất được lập theo Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Q.

Tài sản trên đất: Keo có đường kính gốc $\geq 8\text{cm}$ đến $\leq 12\text{cm}$ (số lượng 320 cây).

Thửa đất thứ tư: Thửa đất số 2094, tờ bản đồ số 03, diện tích thửa đất 5.217m²; diện tích thu hồi thực hiện dự án: 4.400,5m², loại đất BHK. Nguồn gốc đất do UBND xã xác nhận: Thửa đất này là đất ven đồi núi, bỏ hoang năm 1990 ông Huỳnh Hữu T3 khai phá, cải tạo thành nhiều thửa nhỏ trồng cây hàng năm, năm 1998 UBND xã cũng không đưa diện tích thửa đất này vào để cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP cho hộ gia đình nào. Hiện tại thửa đất này không có trong bộ theo dõi đất được lập theo Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Q. Đến năm 2007 ông Huỳnh Hữu T3 gộp các thửa đất nhỏ lại với nhau thành thửa đất 2094, tờ bản đồ số 3 (tờ bản đồ trích lục, chỉnh lý và biên tập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2022), diện tích 5.217,0m², ông đang canh tác trồng cây hàng năm sau đó tự chuyển sang trồng cây lâu năm trên thửa đất này đến nay.

Tài sản trên đất: Keo có đường kính gốc $\geq 12\text{cm}$ đến $\leq 16\text{cm}$ (số lượng 1600 cây); Keo có đường kính gốc $> 16\text{cm}$ đến $\leq 20\text{cm}$ (số lượng 600 cây); Keo có đường kính gốc 30cm, cao 10m (số lượng 2 cây); Bạch đàn có đường kính gốc 35cm, cao 10m (số lượng 6 cây)

Qua kiểm tra rà soát hồ sơ, phương án bồi thường, hỗ trợ và đối chiếu các quy định tại thời điểm thu hồi đất thì công tác Thông báo thu hồi đất, kê khai, kiểm kê, xác lập hồ sơ và phương án bồi thường hỗ trợ đối với trường hợp hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q là đúng theo quy định của pháp luật tại thời

điểm thu hồi đất và trình tự thủ tục niêm yết công khai vận động hộ ông **Huỳnh H** và bà **Trần Thị Thiều Q** nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là đã đảm bảo theo quy định tại Điều 69, Luật Đất đai năm 2013. Trung tâm đã phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông **Huỳnh H** và bà **Trần Thị Thiều Q** theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật khi Nhà nước thu hồi đất. Kính nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

* Tại văn bản số 168/UBND ngày 11/6/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **UBND xã P** trình bày:

Về nguồn gốc đất:

- Đối với thửa đất số 472, tờ bản đồ số 03, (thuộc bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2022, dự án **cao tốc B** - Nam); diện tích 630m²; loại đất BHK có nguồn gốc sử dụng đất như sau:

Nguyên thửa đất này được giao theo định suất Nghị định 64/CP năm 1998 cho hộ ông **Huỳnh H** sử dụng ổn định từ đó đến năm 2010 hộ ông **Hữu T3** chuyển sang trồng cây lâu năm cho đến nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, không ai tranh chấp. Hiện tại thửa đất này không có trong bộ theo dõi đất được lập theo Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của **UBND tỉnh Q**.

- Đối với thửa đất số 2094, tờ bản đồ số 03, (thuộc bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2022, dự án **Cao tốc Bắc** - Nam); diện tích 5.217m² (trong đó: Diện tích nằm trong quy hoạch của dự án: 4400,5m²; diện tích nằm ngoài quy hoạch: 816,5m²; loại đất BHK, có nguồn gốc sử dụng đất như sau:

Thửa đất này là đất ven đồi núi, bỏ hoang năm 1990 ông **Huỳnh Hữu T3** khai phá, cải tạo thành nhiều thửa nhỏ trồng cây hàng năm, năm 1998 UBND xã cũng không đưa diện tích thửa đất này vào để cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP cho hộ gia đình nào. Hiện tại thửa đất này không có trong bộ theo dõi đất được lập theo Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của **UBND tỉnh Q**. Đến năm 2007 ông **Huỳnh Hữu T3** gộp các thửa đất nhỏ lại với nhau thành thửa đất 2094, tờ bản đồ số 3 (tờ bản đồ trích lục, chỉnh lý và biên tập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2022), diện tích 5.217,0m², ông đang canh tác trồng cây hàng năm sau đó tự chuyển sang trồng cây lâu năm trên thửa đất này đến nay.

- Đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 03, diện tích thửa đất 4.688m²; diện tích thu hồi thực hiện dự án: 1938,2m² loại đất RSM.

Nguyên thửa đất này là do hộ ông **Huỳnh H** và bà **Trần Thị Thiều Q** tự khai hoang khoảng năm 1992 đến năm 2009 được **UBND huyện Đ** (nay là **UBND thị xã Đ**) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay không có ai tranh chấp, phù hợp quy hoạch sử dụng đất.

- Đối với thửa đất số 275, tờ bản đồ số 3, diện tích thửa đất 673m², diện tích thu hồi thực hiện dự án: 554,7m² ; diện tích thu hồi ngoài quy hoạch: 118,3m²; loại đất BHK.

Nguyên thửa đất trên là đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q vào năm 1998. Hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 2006 thì được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp Giấy CNQSD đất, đến khoảng năm 2013 ông H, bà Q tự chuyển sang trồng cây lâu năm đến nay, hiện nay không có ai tranh chấp.

Nguồn gốc đất của các thửa đất nêu trên đều được UBND xã tổ chức lấy ý kiến công khai, rộng rãi và thông báo niêm yết công khai, kết thúc việc niêm yết công khai nguồn gốc sử dụng đất theo đúng quy định. Trong thời gian niêm yết thông báo nguồn gốc đất của các thửa đất, UBND xã P không nhận được bất cứ đơn thư khiếu nại, tranh chấp, phản ánh nào liên quan đến các thửa đất trên.

Về hồ sơ địa chính:

Hiện tại theo hồ sơ địa chính UBND xã đang lưu trữ qua các thời kỳ thì đối với các thửa số 472, 2094 tờ bản đồ số 22 và thửa đất số 275, tờ bản đồ số 22, xã P (bản đồ đo đạc năm 2006), thửa đất số 66, bản đồ số 6, xã P (tờ bản đồ số 3 trích lục, chỉnh lý và biên tập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2022) có thể hiện cụ thể sau:

- Thửa đất số 2094, tờ bản đồ số 03, (thuộc bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2022) nguyên là gồm phần diện tích đất của các thửa đất số 515, 557, 560, 561, 562, 563 và thửa đất số 610, thuộc tờ bản đồ số 22 (bản đồ đo đạc năm 2006). Tất cả các thửa đất này ông Huỳnh Hữu Đ chưa đăng ký kê khai hồ sơ theo quy định.

- Thửa đất số 472, tờ bản đồ số 22, xã P (bản đồ đo đạc năm 2006) hộ ông Huỳnh H cũng chưa đăng ký kê khai hồ sơ theo quy định.

Đối với 02 thửa đất số 2094 và thửa đất số 472, tờ bản đồ số 22 (thuộc tờ bản đồ số 3, Bản đồ chỉnh lý và biên tập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2022) đã được UBND thị xã Đ xác định loại đất, chủ sử dụng đất, diện tích tại Công văn số 123/UBND ngày 16/01/2023.

- Đối với thửa đất số 275, tờ bản đồ số 22, xã P (bản đồ đo đạc năm 2006), thửa đất số 66, bản đồ số 6, xã P. Ông Huỳnh H đã đăng ký kê khai hồ sơ và đã được UBND huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ) cấp GCNQSD đất.

* Tại các Văn bản cùng ngày 09/5/2024, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh D, anh Huỳnh T2, chị Huỳnh Thị Trà M, chị Huỳnh Thị Kim H1 cùng trình bày:

Các anh chị là con ruột của ông Huỳnh H (sinh năm: 1965) và bà Trần Thị Thiệu Q (sinh năm: 1970). Cha mẹ anh chị là chủ sử dụng quyền sử dụng đất của các thửa đất số 66, tờ bản đồ số 06, diện tích 4.657m²; thửa đất số 275, tờ bản đồ số 22, diện tích 673m²; thửa đất số 472, tờ bản đồ số 02, diện tích 630m² và thửa đất số 2094, tờ bản đồ số 22, diện tích 5710m², các thửa đất trên cùng tọa lạc tại: xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguồn gốc thửa đất trên là do bố mẹ anh chị tự khai hoang năm 1990. Từ khi khai hoang vào năm 1990 đến nay bố mẹ anh chị sử dụng để canh tác, trồng cây lâu năm vì loại đất này phù hợp cho việc trồng cây lâu năm. Bố mẹ anh chị

sử dụng đất ổn định, liên tục và không tranh chấp với bất kỳ ai, cũng không bị xử phạt gì. Việc canh tác trên các thửa đất trên là công việc chính và cũng là nguồn thu nhập duy nhất của bố mẹ anh chị và gia đình anh chị từ trước tới nay. Ngày 12/11/2009, UBND huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 06, diện tích 4657m² cho hộ ông Huỳnh H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 041870.

Từ cuối năm 2022 gia đình anh chị nhận được rất nhiều các Quyết định về việc thu hồi các thửa đất số 66, 275, 472, 2094; các Quyết định về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiều Q khi tiến hành thu hồi đất để thực hiện dự án đường C - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 20125; đoạn qua Quảng Ngãi - H. Nhưng sau đó Ủy ban nhân dân thị xã Đ cứ ban hành thì lại quyết định thu hồi ngay sau đó.

Sau khi xem xét các Quyết định do UBND thị xã Đ ban hành, anh chị cho rằng việc UBND thị xã Đ ban hành các quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ và Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình anh chị là không đúng quy định, bởi các lý do sau:

Nội dung Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1837/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 và bản kê khai chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ không hợp lý, không đúng quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, cụ thể:

- + Không hỗ trợ ổn định đời sống;
- + Không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp;
- + Giá đất áp dụng bồi thường quá thấp, không phù hợp tại thời điểm quyết định thu hồi đất;
- + Khi tiến hành thu hồi đất nhưng không giao đất có cùng mục đích sử dụng đất với loại đất thu hồi;
- + Toàn bộ các tài sản gắn liền với đất (2860 cây keo và 8,7m³ cây keo trồng trên đất) tại các thửa đất số 275, 472 và 2094 không được bồi thường tại thời điểm quyết định thu hồi đất.
- Trình tự thủ tục thu hồi đất không đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai hiện hành.

Quyết định cưỡng chế thu hồi đất không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Do đó, anh chị đều thống nhất như yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiều Q.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 47/2024/HC-ST ngày 19/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 63, Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 77, Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiệu Q về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Huỷ Quyết định số 4629/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND thị xã Đ về việc thu hồi đất của hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q để thực hiện Dự án đường C - Nam phía Đ, giai đoạn năm 2021 - 2025, đoạn Quảng Ngãi - H.

-Huỷ Quyết định số 4837/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND thị xã Đ về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q để thực hiện tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn năm 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - H (phương án đợt 9).

-Huỷ Quyết định số 6723/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND thị xã Đ về việc cưỡng chế thu hồi đất (thửa đất số 66, 275, 472 và 2094) đối với hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q để thực hiện tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn năm 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - H.

- Buộc UBND thị xã Đ phải thực hiện nhiệm vụ công vụ thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với các thửa đất số 66, 275, 472 và thửa 2094, cùng tờ bản đồ số 3 (bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2002) cho ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiệu Q theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2024, bà Trần Thị Thiệu Q kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên toà:

- Bà **Trần Thị Thiệu Q** rút nội dung kháng cáo đối với Quyết định thu hồi đất số 4629/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của **UBND thị xã Đ** về việc thu hồi đất của hộ ông **Huỳnh H** và bà **Trần Thị Thiệu Q** để thực hiện Dự án **đường C - Nam phía Đ**, giai đoạn năm 2021 - 2025, đoạn **Quảng Ngãi - H** và Quyết định số 6723/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của **UBND thị xã Đ** về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung bà **Trần Thị Thiệu Q** đã rút kháng cáo; đồng thời không chấp nhận kháng cáo của bà **Trần Thị Thiệu Q**; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm bà **Trần Thị Thiệu Q** rút nội dung kháng cáo đối với Quyết định thu hồi đất số 4629/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của **UBND thị xã Đ** về việc thu hồi đất của hộ ông **Huỳnh H** và bà **Trần Thị Thiệu Q** để thực hiện Dự án **đường C - Nam phía Đ**, giai đoạn năm 2021 - 2025, đoạn **Quảng Ngãi - H** và Quyết định số 6723/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của **UBND thị xã Đ** về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung này.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà **Trần Thị Thiệu Q** về yêu cầu hủy Quyết định số 4837/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của **UBND thị xã Đ** về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông **Huỳnh H** và bà **Trần Thị Thiệu Q**; nhận thấy:

- Ngày 20/7/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi ban hành Thông báo số 1641/TB-TTPTQĐ về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ Tiểu dự án; sau đó tiến hành niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án; họp lấy ý kiến về công tác niêm yết phương án. Đến ngày 10/8/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi, **UBND xã P** và các đơn vị liên quan lập Biên bản kết thúc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án.

- Trên cơ sở Tờ trình 729/TTr-TTPTQĐ ngày 17/8/2023 của **Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Q**; Quyết định thu hồi đất số 4629/QĐ-UBND ngày 31/8/2023; **UBND thị xã Đ** ban hành Quyết định số 4634/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần đoạn **Quảng Ngãi - H** thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn năm 2021-2025 (phương án đợt 9).

- Ngày 19/9/2023, UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 4837/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiệu Q đối với các thửa đất số 66, 275, 472 và thửa đất 2094, cùng tờ bản đồ số 3 (bản đồ dự án). Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 887.328.500 đồng, trong đó: bồi thường, hỗ trợ về đất là 692.734.200 đồng, bồi thường vật kiến trúc là 0 đồng, bồi thường về cây cối, hoa màu là 180.554.300 đồng, hỗ trợ khác là 14.040.000 đồng.

Xét thấy, UBND thị xã Đ ban hành quyết định số 4837/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiệu Q là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

* Về bồi thường bằng tiền khi thu hồi đất và giá đất bồi thường, xét thấy:

- Tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

- Tại Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 458/TTg-CN ngày 25/5/2022 không xây dựng quỹ đất sản xuất nông nghiệp để bồi thường bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi Dự án. Do đó, UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 4837/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi Dự án cho hộ ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiệu Q là đúng theo quy định và phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương.

- Về giá đất: Căn cứ theo quy định tại Điều 114 Luật Đất đai; Điều 10 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; ngày 08/6/2020, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024), trong đó tại mục 3, bảng giá số 1, đối với đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây lâu năm khác) là: 32.000 đồng/m²; đất rừng sản xuất tại xã miền núi (xã P hiện nay đang là xã miền núi) là: 18.000 đồng/m². Đồng thời, theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh Q về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Tiểu dự án Bồi thường, GPMB và tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam nêu trên; được điều chỉnh tại Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND tỉnh Q về việc thống nhất hệ số điều

chính giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh, trong đó hệ số điều chỉnh giá đất là: 2,25 lần.

Như vậy, giá đất mà UBND thị xã Đ bồi thường cho ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiệu Q tại Quyết định số 4837/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 là có căn cứ, đúng các quy định nêu trên.

* Đối với yêu cầu bồi thường toàn bộ tài sản gắn liền với đất (2.860 cây keo, 8,7m³ cây keo trồng trên đất) tại các thửa đất số 275, 472 và thửa đất 2094 khi thu hồi đất.

- Tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất: “2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”.

- Đồng thời, tại khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 5 Thông tư 09/2021/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai quy định: Các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng phải đăng ký biến động, bao gồm: “Chuyển đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản sang trồng cây lâu năm...”.

Đối chiếu với các quy định nêu trên, nhận thấy: Hộ ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiệu Q tự trồng cây lâu năm trên đất trồng cây hàng năm khác tại các thửa đất số 275, 472 và 2094 không đăng ký biến động tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, là sử dụng đất không đúng mục đích. Do đó, UBND thị xã Đ không bồi thường cây lâu năm trồng trên đất cây hàng năm khác (BHK) của ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiệu Q tại các thửa đất số 275, thửa đất số 472, thửa đất số 2094, cùng loại đất BHK là có căn cứ.

* Về hỗ trợ ổn định đời sống:

- Hộ ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiệu Q bị thu hồi diện tích đất nông nghiệp dưới 70% diện tích đất đang sử dụng. Do đó, UBND thị xã Đ hỗ trợ mức ổn định đời sống 06 tháng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

* Về hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm:

- Tại Quyết định số 4837/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND thị xã Đ, hộ ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiệu Q được hỗ trợ về đất tại 03 thửa đất số 66, 275 và 472 với tổng số tiền 247.194.600 đồng, đây là khoản tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiệu Q do các thửa đất này được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy, UBND thị xã Đ hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm cho ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiệu Q đối với 03 thửa đất trên là phù hợp với Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; Điều 15 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Đối với thửa đất 2094, tờ bản đồ số 3: Nguồn gốc thửa đất này là đất ven đồi núi, bỏ hoang năm 1990 ông Huỳnh Hữu T3 khai phá, cải tạo thành nhiều thửa nhỏ trồng cây hàng năm. Đến năm 2007 ông Huỳnh Hữu T3 gộp các thửa đất nhỏ lại với nhau thành thửa đất 2094, tờ bản đồ số 3, ông đang canh tác trồng cây hàng năm sau đó tự chuyển sang trồng cây lâu năm trên thửa đất này đến nay. Tuy nhiên, thửa đất này chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ theo khoản 3 Điều 5 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai quy định tại Điều 4 sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; quy định:

“Điều 5. Xác định diện tích đất nông nghiệp để tính hỗ trợ ổn định đời sống; đất nông nghiệp được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Đất nông nghiệp được hỗ trợ ổn định đời sống hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất, bao gồm:...

c) Đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai đang sử dụng không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không vi phạm pháp luật về đất đai, đủ điều kiện được bồi thường về đất, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó”.

Căn cứ vào các quy định nêu trên, UBND thị xã Đ không hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm cho hộ ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiệu Q đối với thửa đất 2094, tờ bản đồ số 3 là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh H, bà Trần Thị Thiệu Q là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Trần Thị Thiệu Q kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Thiệu Q phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 229 Luật tổ tụng hành chính. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo đối với Quyết định thu hồi đất số 4629/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND thị xã Đ về việc thu hồi đất của hộ ông Huỳnh H và bà Trần Thị Thiệu Q để thực hiện Dự án đường C - Nam phía Đ, giai đoạn năm 2021 - 2025, đoạn Quảng Ngãi - H và Quyết định số 6723/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND thị xã Đ về việc cưỡng chế thu hồi đất.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của bà Trần Thị Thiệu Q; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2024/HC-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị Thiệu Q phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004579 ngày 01/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tào